

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2018/HSST

Ngày : 14/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phan Văn T và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Kha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà : Trần Thị Tĩnh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2018/TLST – HS ngày 02 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXXST ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo :

Bùi Văn T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1999

Nơi cư trú: Thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ văn hóa : 8/12 ; Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam ; Tôn giáo : Không ; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Bùi Văn D, sinh năm 1975 con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Tiền sự: Không

Tiền án: Không

Nhân thân : Còn nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 8/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bản án số 48/HSST ngày 28/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 04 năm tù về tội “ Cướp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Tại bản án này T chưa đủ 16 tuổi nên không bị coi là có án tích, không tính để xác định tái phạm theo quy định tại khoản 7 Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/5/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam công an tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

Người bị hại

Bà : Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Anh : Phạm Đức L, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Cháu : Phạm Thị A, sinh năm 2002 (Vắng mặt)

Đều cư trú tại: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh : Bùi Văn D, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

Chị: Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 18/4/2018, Bùi Văn T đi xe mô tô đến nhà bà Nguyễn Thị N để chơi với anh Phạm Đức L (là con trai bà N). Khi đến thấy cổng nhà bà N khóa, không có ai ở nhà, do trước đó T đã nhiều lần đến chơi với L biết gia đình L thường để chìa khóa cổng ở trên trụ của cổng. T thò tay qua khe cửa lấy được chìa khóa mở cổng vào nhà bà N trộm cắp của bà N 602.000 đồng; của anh Phạm Đức L 300.000 đồng; của chị Phạm Thị A 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu HP cùng dây sạc và 01 chiếc điện thoại OPPO màu trắng đã hỏng. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên T khóa cửa cổng và để chìa khóa cổng vào vị trí cũ rồi đi xe mô tô về. T đem chiếc máy tính trộm cắp được bán cho anh Bùi Văn D được 1.000.000 đồng. Đến ngày 20/4/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy triệu tập T đến làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nhà bà N và nộp lại số tiền 200.000 đồng cùng chiếc điện thoại trộm cắp của chị A. Anh Bùi Văn D đã giao nộp 01 máy tính cùng dây sạc cho cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL- ĐG ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R1 màu trắng đã bị vỡ, không sử dụng được , giá trị thời điểm xâm hại là 100.000 đồng; 01 máy tính laptop nhãn hiệu HP cùng 01 dây sạc đã qua sử dụng giá trị thời điểm xâm hại là 3.000.000 đồng

Bản cáo trạng số 77/ CT- VKSTT ngày 01 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố Bùi Văn T về tội " Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận: Do trước đó bị cáo đã nhiều lần đến nhà bà Nguyễn Thị N chơi với anh Phạm Đức L (là con trai bà N), bị cáo biết gia đình L thường để chìa khóa cổng ở trên trụ của cổng nên khi nhai qua khe cửa thấy phòng khách nhà bà N mở, không có ai ở nhà nên bị cáo thò tay qua khe cửa lấy được chìa khóa mở cổng vào nhà bà N trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng . Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản” áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo cho người bị hại là bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Đức L tổng số tiền là 902.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn D số tiền là 1.000.000 đồng; đề nghị xử lý vật chứng của vụ án; đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 200.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập và tài sản riêng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác vắng mặt được công bố tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng : Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3]. Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Lợi dụng sơ hở trong quá trình quản lý tài sản, khoảng nên khoảng 13 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2018, Bùi Văn T đã vào nhà bà Nguyễn Thị N trộm cắp của bà N 602.000 đồng; của anh Phạm Đức L 300.000 đồng; của chị Phạm Thị A 01 chiếc máy tính laptop nhãn hiệu HP cùng dây sạc và 01 chiếc điện thoại OPPO màu trắng đã hỏng trị giá 3.100.000 đồng. Tổng số tài sản T trộm cắp được có giá trị là 4.002.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội " Trộm cắp tài sản " quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự . Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần thiết phải quyết định một hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự . Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thái Thụy đã quản lý 01 máy tính cùng dây sạc do anh Bùi Văn D giao nộp, quản lý 01 chiếc điện thoại di động do T giao nộp. Đây là số tài sản bị cáo T trộm cắp của cháu Phạm Thị A nên cơ quan điều tra đã trả lại cho cháu A theo đúng quy định của pháp luật. Đối với con dao T lấy của nhà bà N và đã dùng con dao này đập vỡ con lợn đất và mảnh vỡ của con lợn đất, bà N đã dọn vứt đi nên cơ quan điều tra không thu giữ được và bà xác định số tài sản này đã cũ không

còn giá trị nên bà không yêu cầu gì. Đối với số tiền 200.000 đồng do bị cáo T giao nộp cho cơ quan điều tra, xét thấy bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ tài sản cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần trả lại số tiền này cho bị cáo.

[7].Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho bà Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L số tiền 902.000 đồng, cho anh Bùi Văn D số tiền 1.000.000 đồng. Bà N, anh L, chị A và anh D không yêu cầu gì thêm nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[8].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố : Bị cáo Bùi Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản "

2. Về hình phạt : Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 5 năm 2018

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

3. Về trách nhiệm dân sự :

Ghi nhận sự nguyện tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả giữa gia đình bị cáo và bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L và anh Bùi Văn D. (Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L số tiền 902.000 đồng; bồi thường cho anh Bùi Văn D số tiền 1.000.000 đồng)

4.Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T số tiền 200.000 đồng nhưng tạm quản lý để đảm bảo thi hành án đang được quản lý tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên lai số 0006765 ngày 02 tháng 8 năm 2018. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Thái Thụy và Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy ngày 02/8/2018)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

6. Về quyền kháng cáo bản án:

Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thái Thụy
- Công an huyện Thái Thụy
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Trại giam CA tỉnh Thái Bình
- Bị cáo, bà N, anh L, chị A, anh D, bà Thanh
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương